

TẠNG PHỦ BIỆN CHỨNG LUẬN TRỊ

Lấy tạng phủ làm đầu mỗi tiến hành biện chứng luận trị gọi tắt là “Tạng phủ chứng trị”. Nó là cơ sở lâm sàng khoa học chẩn đoán trị liệu.

Công năng của mỗi tạng phủ có nhiều mặt, quan hệ giữa tạng phủ, tổ chức cơ quan với nhau rất phức tạp, do vậy, hình thái bệnh các tạng phủ có nhiều vẻ. Về lâm sàng cần xuyên qua các biện pháp, các hiện tượng để tìm bản chất, tìm mâu thuẫn chủ yếu. Trong những chứng trạng chung ấy, phải tìm ra một số chủ chứng có tính chất then chốt để phân tích.

Để tiện cho việc học tập, ở mỗi chứng cử ra mấy bệnh danh theo Tây y cho dễ nhận biết (trong Tây y là một loại bệnh thì trong Đông y có thể phân thành mấy loại hình hoặc mấy loại chứng).

TÂM VÀ TIỂU TRƯỜNG

A. Biện chứng luận trị

Công năng chủ yếu của tâm là chủ huyết mạch và chủ thần chí, do đó phản ứng chủ yếu của tâm là những biểu hiện khác thường về mặt huyết mạch và thần chí. Căn cứ vào những biểu hiện lâm sàng, có những chứng: Tâm dương hư, tâm âm hư, tâm huyết ứ ... Thuộc về mặt chủ thần chí, có những chứng: Đàm hỏa nội nhiễu, đàm mê tâm khiếu. Về phía tiểu trường thấy bệnh chứng là: Tâm di nhiệt sang tiểu trường. Còn nhiệt nhập tâm bào thì thuộc về phạm vi ôn nhiệt bệnh, sẽ nghiên cứu về biến chứng luận trị sau.

1. Tâm dương bất túc (tâm dương bất chấn)

a. Triệu chứng: Gồm tâm khí hư, tâm dương hư, tâm dương hư suy. Biểu hiện chung: Hồi hộp, đoản hơi (khi hoạt động nặng thêm), tự ra mồ hôi, lưỡi nhạt, rêu lưỡi trắng.

- **Tâm khí hư:** Thấy mệt mỏi, uể oải, sắc mặt trắng bợt, hay thở dài, lưỡi phì nộn (béo non), đoản hơi.

- **Tâm dương hư:** Minh hàn, chi lạnh, khó chịu vùng tim, đau tim, mạch tế, nhược hoặc kết, đại (mạch nhỏ yếu hoặc loạn nhịp).

- **Tâm dương hư suy (hư thoát):** Mồ hôi ra dần dề, tứ chi rất lạnh, môi xanh tím, hơi thở hắt nhỏ yếu, có khi choáng váng hôn mê, mạch nhỏ như muốn mất.

b. Bệnh lý: Tâm khí hư do tâm khí không đủ sức thôi động huyết mạch, do đó xuất hiện chứng hồi hộp, ngắn hơi, mạch hư. Tâm dương hư, do dương suy nên thấy hiện tượng hàn. Tâm dương hư suy là tâm khí bất túc^(*) lại kiêm tâm dương hư nên bệnh biến hóa nghiêm trọng. Mạch vi tế, thấy hồi hộp. Dương khí đại hư sẽ thấy ra nhiều mồ hôi, tứ chi rất lạnh làm ảnh hưởng đến thần chí, có thể đưa đến bất tỉnh.

c. Phép chữa: Tâm khí hư nên bổ tâm khí, an tâm thần dùng *Tứ quân tử thang* để bổ khí, gia thêm *Toan táo nhân*, *Viễn chí*, *Ngũ vị tử* để dưỡng tâm an thần. Tâm dương hư nên thông tâm dương, dùng *Qua lâu ung bạch Quế chi thang*; nếu như kiêm ứ trệ nên dùng thêm *Thất Tiểu tán* để hoạt huyết tán ứ, Tâm dương hư suy nên hồi dương cứu nghịch,

(*) Tâm khí bất túc: Sức co bóp ở tim không đủ.

lấy ngay ngải cứu, cứu *Bách hội* và *Túc tam lý*, hoặc *Dũng tuyền*, cho uống ngay *Tứ nghịch thang* sắc gia *Đảng sâm* để trừ đàm thông dương.

2. Tâm âm bất túc

a. Triệu chứng: Chia ra làm 2 loại: Tâm âm hư và tâm huyết hư đều hồi hộp, khó chịu vùng tim, sợ hãi, mất ngủ, hay quên.

Tâm âm hư: Sốt nhẹ, mồ hôi trộm, miệng khô, đầu lưỡi hồng, rêu lưỡi trắng mỏng, **hoặc không rêu, mạch tế, sắc.**

Tâm huyết hư: Choáng váng, sắc mặt nhợt nhạt, nhạt miệng, lưỡi nhạt, mạch tế, nhược.

b. Bệnh lý: Tâm âm bất túc tức là tâm dương thiên cang (vùng tâm nóng), tâm âm, tâm dương không điều hòa làm cho tim hồi hộp, tay chân buồn bã. Tâm âm hư thường do làm việc tinh thần nhiều, hao tổn tâm âm, nếu thấy kèm có sốt nhẹ, mồ hôi trộm, đầu lưỡi hồng, mạch tế, sắc là chứng của âm hư nội nhiệt. Tâm huyết hư phần nhiều do sự cung dưỡng máu không đủ, nếu thêm choáng váng, lưỡi nhạt, mạch tế, nhược (mạch nhỏ yếu) là chứng của huyết hư.

c. Phép chữa: Tâm âm hư nên dưỡng tâm âm, an tâm thần, thường dùng *Bổ tâm hoàn*. Tâm huyết hư, nên bổ dưỡng tâm có thể dùng *Tứ vật thang* thêm *A giao* để bổ huyết, gia *chích Cam thảo, Bá tử nhân* để dưỡng tâm âm.

Chứng bệnh thần kinh thấy tim hồi hộp, mất ngủ thuộc về tâm âm hư có thể dùng dưỡng tâm âm, an tâm thần mà chữa. Do thiếu máu thấy thần thức, choáng váng là chứng tâm huyết hư, dùng phép chữa bổ huyết dưỡng tâm. Nếu tim đập quá nhanh, lưỡi hồng không rêu, mạch tế, sắc là tâm âm hư. Tâm âm hư dùng *Sinh mạch tán* để dưỡng tâm âm, liễm tâm khí; chứng tim đau lưỡi hồng, mạch tế sắc là chứng tâm âm bất túc, có thể dùng *Mạch môn, Dương qui, Hải nhĩ sâm, Sinh địa hoàng* để dưỡng âm ích khí, *Đan sâm, Đào nhân, Hồng hoa* để hoạt huyết.

3. Tâm huyết ứ trệ

a. Triệu chứng: Tim hồi hộp, đau tim (đau nhói hoặc râm ran vùng trước hay sau tim) lúc đau, lúc không. Khi bệnh nghiêm trọng, đau đớn không yên, móng tay xanh tím, ra mồ hôi, tứ chi lạnh, lưỡi hồng xám, hoặc quanh lưỡi có nốt máu ứ, rêu lưỡi ít mà nhuận, mạch sáp (mạch sáp: Rít tắc không thông suốt).

b. Bệnh lý: Vì huyết ứ trệ, khí huyết khó thông, làm tim hồi hộp, tim đau. Do vậy mà thiếu máu ở mao mạch, toàn thân lưu thông máu kém, màu máu bầm tím, không tươi, lưỡi có nốt máu ứ, móng tay xanh; “tâm dương bất chấn”, không đủ làm nóng chi, nên chân tay lạnh, dương khí không thể giữ chắc ngoài biểu làm cho mồ hôi ra nhiều. Chứng này thường thấy ở bệnh xơ vữa động mạch vành và co cứng cơ tim.

c. Phép chữa: Nên tuyên bế thông dương, dùng *Qua lâu ung bạch thang* gia *Quế chi, Đào nhân, Hồng hoa*. Bệnh nghiêm trọng dùng *Huyết phủ trục ứ thang* gia *giảm* mà chữa.

Tâm huyết ứ trở phần nhiều liên quan với tâm dương bất túc. Dùng *Qua lâu ung bạch thang* gia *Quế chi* để thông tâm dương, gia *Đào nhân*, *Hồng hoa* để hoạt huyết thông chỗ nghẽn tắc. Nếu có kèm hư chứng, ngắn hơi mạch yếu, lưỡi dày, nên kèm dùng thuốc hành khí, bổ khí, hoạt huyết như *Hoàng kỳ*, *Đảng sâm*, *Đan sâm*, *Phục linh* ... Ứ trở nghiêm trọng dùng cách trên vô hiệu thì dùng công trực ứ huyết với trọng tể (thang nhiều cân lượng) như *Huyết phủ trực ứ thang*...

4. Đàm hỏa nội nhiễu (đàm hỏa nhiễu tâm)

- a. Triệu chứng:** Thần chí tán loạn, cuồng thao vọng động, nói năng lung tung, khi cười, khi khóc, đánh người, chửi người, lưỡi hồng, rêu lưỡi vàng trơn, mạch hoạt, sắc (trơn, nhanh).
- b. Bệnh lý:** Thần chí của tâm bị đàm hỏa can làm nhiễu, do đó thần chí tán loạn, cuồng thao vọng động^(*) là bệnh ở đàm, vì vậy rêu lưỡi trơn, mạch hoạt; do hỏa cho nên thấy lưỡi hồng, rêu vàng mạch sắc (mạch sắc: nhanh).
- c. Phép chữa:** Nên thanh hỏa hóa đàm, dùng *Mông thạch côn đàm hoàn* hoặc *Sinh thiết lạc ẩm*; tinh thần phân liệt chứng, tinh thần cuồng thao uất ức, ý bệnh (bệnh hysteri) đều thấy chứng đàm hỏa, có thể dùng phương pháp trên để chữa.

5. Đàm mê tâm khiếu (đàm trở tâm bào)

- a. Triệu chứng:** Thần chí suy, ý thức mơ hồ, nôn ra đờm dãi hoặc hôn mê bất tỉnh, có tiếng đờm rít trong họng, lưỡi cứng khô không nói được, rêu lưỡi trắng trơn, mạch hoạt. Nếu kèm chứng đàm nhiệt thì lưỡi hồng, rêu vàng, mạch hoạt mà sắc (mạch trơn mà nhanh).
- b. Bệnh lý:** Tim bị đàm che mờ, thần chí không trong sáng, ý thức phân tán, có thể dẫn đến hôn mê bất tỉnh. Chứng này không riêng nhiệt, tuy cùng loại với chứng kèm hỏa ở trên, nhưng lại khác về mức nặng nhẹ và cách chữa.
- c. Phép chữa:** Nên trừ đờm, thông khiếu, dùng *Đạo đàm thang*. Nếu hôn mê bất tỉnh, nên ôn khai pháp, dùng *Tô hợp hương hoàn*. Nếu hôn mê do đàm nhiệt, nên lương khai pháp, dùng *Chí bảo hoàn* hoặc *Ngưu hoàng hoàn*.

Ý bệnh, hoặc chứng tinh thần phân liệt có rêu lưỡi trắng trơn mà mạch hoạt, có thể dùng *Đạo đàm thang* để trừ đàm thông khiếu, cũng có thể thêm *Tô hợp hương hoàn* để tỉnh thêm tinh thần. Xuất huyết não thuộc về đàm mê tâm khiếu mà hôn mê bất tỉnh có thể dùng ôn khai pháp; thuộc về đàm mê tâm khiếu mà có lưỡi hồng, rêu lưỡi vàng, mạch hoạt dùng lương khai pháp, tức là thiên về nhiệt thì dùng lương khai, thiên về hàn thì dùng ôn khai. Nếu xuất huyết não mà xuất hiện chứng thoát (xòe tay, mở miệng, mắt nhắm, đái dầm, ra mồ hôi, mạch nhỏ yếu, hôn mê bất tỉnh) tuyệt đối không dùng phép khai khiếu (tránh cho dương khí thoát nhanh hơn), nên dùng ngay *Ngải cứu cứu Thần khuyết, Túc tam lý*, rồi chữa theo phép trúng gió. Hôn mê gan, hôn mê của đái đường, biện chứng của

^(*) Cuồng thao vọng động: Chân tay múa động lung tung.

đầm nhiệt, có thể dùng loại thuốc lương khai như *Ngưu hoàng hoàn*, kiêm châm *Nhân trung*, *Dũng tuyền*, sau khi tỉnh sẽ tùy theo các tình huống mà điều trị.

6. Tâm hỏa thượng viêm (tâm hỏa can thịnh): Tâm di nhiệt sang tiểu trường (tiểu trường thực nhiệt)

- a. Triệu chứng:** Miệng lưỡi sinh mụn nhọt (hay mọc tái phát). Khó chịu trong tim, khát, tiểu tiện vàng, ít, hoặc đái liên miên, đái buốt, đái ra máu, đầu lưỡi hồng, rêu lưỡi vàng hoặc trắng, mạch sắc (nhánh).
- b. Bệnh lý:** Tâm khai khiếu ở lưỡi, Tâm hỏa vượng viêm làm cho lưỡi sinh mụn nhọt, bứt rứt ở tim, miệng khát, chát lưỡi hồng. Tâm di nhiệt sang tiểu trường sẽ thấy tiểu tiện đỏ, ít, đau buốt, đái ra máu.
- c. Phép chữa:** Nên giáng hỏa tiết nhiệt, thường dùng *Đạo xích tán gia giảm*. Vòm miệng bị viêm tái phát, có thể dùng *Đạo xích tán*. Nếu táo bón, tiêu hóa không tốt, gia *Đại hoàng*, *Sơn tra*, *Cốc nha*, *Mạch nha* (tiêu dẫn được). Nếu tinh thần căng thẳng, mất ngủ, mạch tế, sắc thì gia *Mạch môn*, *Toan táo nhân*, *Kê đàn hoàng*^(*) (thuốc chữa âm), nếu có kinh nguyệt mà mạch huyền, gia *Sài hồ*, *Bạch thược* (thuốc thư can, dưỡng can). Hệ thống tiết niệu viêm nhiễm hoặc sỏi, mà tiểu trường có thấp nhiệt, thì luận trị theo chứng bàng quang thấp nhiệt.

7. Tiểu trường khí thống

- a. Triệu chứng:** Đau bụng dưới cấp, đau xuyên sang vùng lưng, lan xuống bộ phận sinh dục, rêu lưỡi trắng, mạch trầm, huyền hoặc huyền khẩn (huyền khẩn: Căng mà to).
- b. Bệnh lý:** Chứng này phần nhiều do ăn uống không giữ gìn, do hàn thấp không được điều hòa, uất kết tại khí cơ bụng dưới.
- c. Phép chữa:** Nên hành khí tán kết, dùng *Quất hạch hoàn* hoặc *Ô dục tán*.

B. Điểm chủ yếu để luận trị về tâm và tiểu trường

- a. Tâm khí hư:** Hay thở dài, mạch hư, nên bổ tâm khí, an tâm thần. Tâm dương hư: Mình hàn, chi lạnh, mạch trầm tế, nên thông tâm dương, có ứ thì hoạt huyết, khử ứ. Tâm dương hư suy: Ra nhiều mồ hôi không dứt, tứ chi lạnh ngắt, mạch rất nhỏ khó thấy, nên hồi dương cứu nghịch. Tâm âm hư: Đầu lưỡi hồng, mạch tế, sắc nên dưỡng tâm âm. Tâm huyết hư: Lưỡi nhợt, mạch tế, nhược, nên bổ tâm huyết.
- b. Do âm dương hốt căn:** Tâm dương hư hoặc tâm âm hư đến một mức nhất định đều có thể dẫn đến âm dương, khí huyết đều hư, lúc này cần trị cả âm dương, hoặc căn cứ theo tình hình mà thiên trị về phía nào. Như âm dương đều hư mà thiên nặng về huyết hư khi dùng thuốc phải thiên về bổ huyết.
- c. Tâm hỏa thượng viêm:** Miệng lưỡi mụn nhọt, nên giáng hỏa tiết nhiệt. Tâm di nhiệt sang tiểu trường: Đái són mà đau, nên thanh nhiệt lợi thấp. Tiểu trường khí thống, nên hành khí tán kết.

^(*) Kê đàn hoàng: Quả trứng gà lấy lòng đỏ.

C. Những bài thuốc về tâm và tiểu trường**1. Tứ quân tử thang**

Nhân sâm (hoặc *Đảng sâm*) từ 2-3 đồng cân,

Bạch truật từ 2-3 đồng cân.

Phục linh 3 đồng cân, *Chích cam thảo* 1 đồng cân.

2. Qua khâu ung bạch quế chi thang

Qua lâu 4-8 đồng cân, *Ung bạch đầu* 4 đồng cân,

Quế chi, *Hậu phác*, *Chỉ thực* liệu chừng gia giảm.

3. Thất tiểu tán

Ngũ linh chi 6 lạng, *sinh Bồ hoàng* 4 lạng.

Ngày uống 2 lần mỗi lần 2-3 đồng cân, bọc vải sắc.

4. Tứ nghịch thang

Phụ tử bào 2-4 đồng cân, *Can khương* 1-2 đồng cân.

Cam thảo chích 1-2 đồng cân.

5. Bổ tâm hoàn

Nhân sâm hoặc *Đảng sâm* 5 đồng cân,

Huyền sâm 5 đồng cân, *Đan sâm* 5 đồng cân,

Bạch phục linh 5 đồng cân, *Ngũ vị tử* 1 lạng,

Viễn chí 5 đồng cân, *Cát cánh* 5 đồng cân,

Dương qui 1 lạng, *Mạch môn* 1 lạng,

Thiên môn 1 lạng, *Bá tử nhân* 1 lạng,

Toan táo nhân 1 lạng, *Sinh địa* 1 lạng.

Các vị tán nhỏ, trộn mật làm viên to bằng hạt ngô đồng, dùng *Chu sa* làm áo, ngày uống 3 đồng cân chia làm 2 lần.

6. Tứ vật thang

Đương quy 3 đồng cân,

Địa hoàng 4-5 đồng cân, (sinh hoặc thực đều được),

Bạch thược 3 đồng cân,

Xuyên khung 1,5 đồng cân.

7. Sinh mạch tán

Nhân sâm 1-3 đồng cân, *Mạch môn* 4 đồng cân,

Ngũ vị tử 1-3 đồng cân.

8. Huyết phủ trực ứ thang

<i>Đương quy</i>	3 đồng cân,	<i>Sinh địa</i>	3 đồng cân,
<i>Đào nhân</i>	4 đồng cân,	<i>Hồng hoa</i>	3 đồng cân,
<i>Chỉ xác</i>	2 đồng cân,	<i>Xích thược</i>	2 đồng cân,
<i>Sài hồ</i>	1 đồng cân,	<i>Cam thảo</i>	1 đồng cân,
<i>Cát cánh</i>	1,5 đồng cân,	<i>Xuyên khung</i>	1,5 đồng cân,
<i>Ngưu tất</i>	3 đồng cân.		

9. Mông thạch cồn đàm hoàn (thuốc chế sẵn)

<i>Thanh mông thạch</i>	1 lạng,	<i>Trầm hương</i>	5 đồng cân,
<i>Đại hoàng</i>	8 lạng,	<i>Hoàng cầm</i>	8 lạng.

Tán mịn, rây nước làm viên.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 1-1,5 đồng cân, bọc vải sắc uống.

10. Sinh thiết lạc ảm (vỏ sắt khi rèn vắng ra trên đe (Fe₃O₄))

Vẩy sắt bong sắc với nước uống, lượng dùng từ 5 đồng cân đến 1 lạng.

11. Tô hợp hương hoàn

<i>Chu sa</i>	1 lạng,	<i>Thanh mộc hương</i>	1 lạng,
<i>Tô hợp hương du</i>	5 đồng cân,	<i>Kha tử nhục</i>	1 lạng,
<i>Tất bạt</i>	1 lạng,	<i>Trầm hương</i>	1 lạng,
<i>Sinh Hương phụ</i>	1 lạng,	<i>Xạ hương</i>	7,5 đồng cân,
<i>Tê giác</i>	1 lạng,	<i>Đàn hương</i>	1 lạng,
<i>Đinh hương</i>	1 lạng,	<i>Băng phiến</i>	5 đồng cân.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần nửa đồng cân.

12. Chí bảo đan

<i>Nhân sâm</i>	1 lạng,	<i>Chu sa</i>	1 lạng,
<i>Xạ hương</i>	1 đồng cân,	<i>Chế nam tinh</i>	3,5 đồng cân.
<i>Thiên trúc hoàng</i>	1 lạng,	<i>Tê giác</i>	1 lạng,
<i>Băng phiến</i>	1 đồng cân,	<i>Ngưu hoàng</i>	5 đồng cân.
<i>Hổ phách</i>	1 lạng,	<i>Hùng hoàng</i>	1 lạng,
<i>Đại mại</i>	1 lạng,	<i>Mật</i>	20%.

Toàn bộ chế thành 240 viên, ngày uống 1-2 viên, chia làm 2-4 lần uống.

13. An cung ngưu hoàng hoàn

<i>Ngưu hoàng</i>	1 lạng,	<i>Uất kim</i>	1 lạng,
<i>Tê giác</i>	1 lạng,	<i>Hoàng liên</i>	1 lạng,
<i>Chu sa</i>	1 lạng,	<i>Băng phiến</i>	2,5 đồng cân,
<i>Trân châu</i>	5 đồng cân,	<i>Chi tử</i>	1 lạng,
<i>Hùng hoàng</i>	1 lạng,	<i>Hoàng cầm</i>	1 lạng,
<i>Xạ hương</i>	2,5 đồng cân.		

Tán nhỏ trộn mật làm viên, mỗi viên 1 đồng cân, ngày uống 1-2 viên, chia làm 2-4 lần, uống với nước chín.